

Xét đề nghị của Tổng công ty Giấy Việt Nam (Công văn số 1688/CV-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2004);

Theo đề nghị của Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 107/2004/QĐ-BCN ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Giấy Vạn Điểm thành Công ty cổ phần Giấy Vạn Điểm như sau:

“1. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước: 44,60%;
- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong Công ty: 55,40%.

Trị giá một cổ phần: 100.000 đồng”.

“3. Ưu đãi cho người lao động trong Công ty.

Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho 301 lao động trong Công ty là 58.166 cổ phần với giá trị được ưu đãi là 1.744.980.000 đồng. Trong đó, số cổ phần bán ưu đãi trả chậm cho 22 lao động nghèo là 4.867 cổ phần, trị giá 340.690.000 đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam, Giám đốc Công ty Giấy Vạn Điểm, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Giấy Vạn Điểm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thứ trưởng

Bùi Xuân Khu

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn số 71/2004/QĐ-BNN
ngày 08/12/2004 ban hành Quy
định khảo nghiệm, công nhận
phân bón mới.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP

ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa số 18/1999/PL-UBTVQH10 ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định về Quy định khảo nghiệm, công nhận phân bón mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thủ trưởng

Bùi Bá Bổng

QUY ĐỊNH khảo nghiệm, công nhận phân bón mới

(ban hành kèm theo Quyết định số 71/2004/QĐ-BNN ngày 08 tháng 12 năm 2004).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Quy định này áp dụng trong lĩnh vực khảo nghiệm, công nhận phân bón mới.

2. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến lĩnh vực khảo nghiệm, công nhận phân bón mới trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện Quy định này.

3. Các loại phân bón phải khảo nghiệm gồm:

a) Phân bón mới sản xuất ở trong nước hoặc mới nhập khẩu chưa có tên trong

“Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam” (sau đây gọi là Danh mục phân bón) thuộc các loại: phân hữu cơ, phân bón lá, phân vi sinh vật, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ khoáng, phân có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng, chế phẩm cải tạo đất.

b) Phân bón có tên trong Danh mục phân bón thuộc các loại quy định tại điểm a khoản 3 Mục I nhưng thay đổi về:

- Thành phần các chất dinh dưỡng chủ yếu, hoặc

- Giảm một trong các yếu tố dinh dưỡng đa lượng quá 5% hàm lượng nguyên chất có trong một đơn vị khối lượng hoặc thể tích so với hàm lượng khi được công nhận.

- Giảm một trong những yếu tố dinh dưỡng trung lượng; vi lượng hoặc chất hữu cơ quá 10% hàm lượng nguyên chất có trong một đơn vị khối lượng hoặc thể tích so với hàm lượng khi được công nhận.

- Tăng hoặc giảm một trong các yếu tố có trong phân bón lá quá 10% hàm lượng nguyên chất có trong một đơn vị khối lượng hoặc thể tích so với hàm lượng khi được công nhận.

II. KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

1. Điều kiện phân bón được đăng ký khảo nghiệm

Các loại phân bón dưới đây muốn đăng ký khảo nghiệm phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phân hữu cơ: hàm lượng chất hữu cơ $\geq 22,36\%$ ($C \geq 13\%$) và $N \geq 3\%$.

b) Phân hữu cơ sinh học: hàm lượng hữu cơ $\geq 22,36\%$ ($C \geq 13\%$), độ ẩm $\leq 25\%$ (đối với phân bón dạng viên, bột), pH_{KCl} : 5 - 7.

c) Phân hữu cơ vi sinh: hàm lượng hữu cơ $\geq 15\%$ ($C \geq 8.5\%$), mật độ vi sinh vật sống có ích $\geq 1.10^6$ vsv/gam ($\geq 1.10^6$ vsv/ml đối với phân bón dạng lỏng), độ ẩm $\leq 30\%$ (đối với phân bón dạng viên, bột).

d) Phân vi sinh vật: mật độ vi sinh vật sống có ích $\geq 1.10^9$ vsv/gam ($\geq 1.10^9$ vsv/ml đối với phân bón dạng lỏng) trên nền chất mang thanh trùng hoặc mật độ vi sinh vật sống có ích $\geq 1.10^6$ vsv/gam ($\geq 1.10^6$ vsv/ml đối với phân bón dạng lỏng) trên nền chất mang không thanh trùng, độ ẩm $\leq 30\%$ (đối với phân bón dạng viên, bột).

đ) Phân hữu cơ khoáng: hàm lượng chất hữu cơ $\geq 15\%$ ($C \geq 8.5\%$), độ ẩm $\leq 25\%$ (đối với phân bón dạng viên, bột), tổng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 8\%$.

e) Phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng: ngoài các yếu tố dinh dưỡng, chất điều hòa sinh trưởng có hàm lượng $\leq 0,5\%$ trong một đơn vị khối lượng hoặc thể tích phân bón.

2. Trình tự khảo nghiệm

2.1. Tổ chức, cá nhân có phân bón khảo nghiệm nộp hồ sơ về Cục Nông nghiệp, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm theo (Biểu mẫu số 01).

b) Tài liệu về đặc tính loại phân bón khảo nghiệm:

- Tên thương mại và các tên khác (nếu có);

- Loại phân bón (phân bón lá, bón rễ);

- Tên hãng hoặc tên công ty và nước sản xuất;

- Đặc điểm: dạng (lỏng, viên, bột), màu sắc;

- Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng (ghi rõ phương pháp phân tích) như sau:

+ Phân bón lá: các yếu tố đa lượng, trung lượng, vi lượng, chất hữu cơ, chất mang và chất điều hòa sinh trưởng (nếu có);

+ Phân hữu cơ sinh học: hàm lượng chất hữu cơ, các hoạt chất sinh học, độ ẩm, pH_{KCl} , các chất dinh dưỡng khác (nếu có);

+ Phân hữu cơ khoáng: hàm lượng chất hữu cơ, các yếu tố đa lượng, trung lượng, vi lượng, độ ẩm;

+ Phân vi sinh vật: chủng và mật độ vi sinh vật có ích, độ ẩm;

+ Phân hữu cơ vi sinh: chất hữu cơ, chủng và mật độ vi sinh vật có ích, độ ẩm;

+ Phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng: thành phần, hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng của nền phân cơ bản và chất điều hòa sinh trưởng được phép sử dụng;

+ Chế phẩm cải tạo đất: thành phần và hàm lượng từng yếu tố có trong chế phẩm.

c) Tài liệu về độc tính của phân bón: những loại phân bón sản xuất từ rác thải công nghiệp, rác thải đô thị và những loại khác có chứa các yếu tố độc hại phải phân tích hàm lượng kim loại nặng: Pb, Hg, Cd, As; mật độ vi sinh vật gây bệnh (E. Coli, Salmonella); trứng giun đũa (Ascaris).

d) Đối với phân nhập khẩu: tên hãng hoặc tên công ty và nước sản xuất; tài liệu cho phép sản xuất kinh doanh và hướng dẫn sử dụng ở nước ngoài, nhãn phân bón.

đ) Đối với phân sản xuất trong nước: quy trình công nghệ và tác giả của quy trình; kết quả khảo nghiệm sơ bộ (nếu có) và hướng dẫn sử dụng của cơ sở sản xuất.

e) Nguồn gốc và thành phần nguyên liệu chủ yếu làm phân bón.

2.2. Cấp giấy phép khảo nghiệm

Cục Nông nghiệp cấp giấy phép khảo

nghiệm cho tổ chức, cá nhân có phân bón khảo nghiệm (Biểu mẫu số 02) trong vòng mười lăm ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Nông nghiệp thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung những tài liệu cần thiết theo quy định.

2.3. Thực hiện khảo nghiệm

a) Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón phải có đủ các điều kiện sau:

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận hoặc chỉ định;

- Có cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ về phân bón có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên;

- Cơ sở vật chất và thiết bị phù hợp với yêu cầu khảo nghiệm.

b) Tổ chức, cá nhân có phân bón khảo nghiệm:

- Ký hợp đồng với đơn vị khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận hoặc do Cục Nông nghiệp chỉ định;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài muốn đăng ký khảo nghiệm phân bón phải có văn phòng đại diện hoặc người đại diện tại Việt Nam;

- Thông báo với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về loại phân bón, địa điểm và thời gian khảo nghiệm.

III. THẨM ĐỊNH VÀ CÔNG NHẬN PHÂN BÓN MỚI

1. Thẩm định khảo nghiệm

a) Sau khi kết thúc khảo nghiệm, tổ chức, cá nhân có phân bón gửi hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận phân bón mới về Cục Nông nghiệp và Vụ Khoa học công nghệ.

Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận phân bón mới gồm:

- Đơn đề nghị thẩm định và công nhận phân bón mới;

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm;

- Ý kiến nhận xét của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quá trình khảo nghiệm, khả năng sử dụng của loại phân bón khảo nghiệm tại địa phương.

b) Tổ chức thẩm định kết quả khảo nghiệm:

Vụ Khoa học công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định chuyên ngành để thẩm định kết quả khảo nghiệm sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân có phân bón và ý kiến nhận xét quá trình khảo nghiệm của Cục Nông nghiệp.

2. Công nhận phân bón mới

a) Sau khi được Hội đồng thẩm định

LawSoft * Tel: +84 9 3845 3845 * www.ThuVienPhapLuat.com

chuyên ngành kết luận đạt yêu cầu, Vụ Khoa học công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận phân bón mới và được đưa vào Danh mục phân bón.

b) Thời hạn ra quyết định công nhận không quá ba mươi ngày làm việc kể từ khi Hội đồng thẩm định kết thúc phiên họp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Nông nghiệp

a) Tổ chức soạn thảo trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các văn bản quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn về khảo nghiệm phân bón.

b) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký khảo nghiệm; cấp giấy khảo nghiệm phân bón mới và cấp giấy sản xuất phân bón mới trong nước để khảo nghiệm.

c) Tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đơn vị khảo nghiệm phân bón.

d) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong việc khảo nghiệm phân bón.

2. Vụ Khoa học công nghệ

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định thành

lập Hội đồng thẩm định công nhận phân bón mới.

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định công nhận phân bón mới.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Theo dõi, kiểm tra quá trình khảo nghiệm tại địa phương.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm và khả năng sử dụng phân bón khảo nghiệm tại địa phương.

4. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm

a) Thực hiện khảo nghiệm theo Quy phạm khảo nghiệm phân bón do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm.

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón về Cục Nông nghiệp.

5. Tổ chức, cá nhân có phân bón khảo nghiệm

a) Phải thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Kết hợp với đơn vị khảo nghiệm báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón về Cục Nông nghiệp.

c) Phí và lệ phí khảo nghiệm công nhận phân bón mới do tổ chức, cá nhân có phân bón đưa khảo nghiệm đảm nhiệm.

V. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm Nghị định số 113/2003/NĐ-CP và Quy định này về khảo nghiệm phân bón thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạm dừng hoặc đình chỉ hoạt động khảo nghiệm phân bón đối với các tổ chức, cá nhân không đáp ứng được các điều kiện tại Quy định này.

3. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở hoạt động hợp pháp hoặc vi phạm các quy định về khảo nghiệm, công nhận phân bón mới, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

Biểu mẫu PB-ĐKKN
Mẫu số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Kính gửi: Cục Nông nghiệp

- Tên và địa chỉ, điện thoại, Fax của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm:
- Tên và loại phân bón đăng ký khảo nghiệm:
- Hình thức khảo nghiệm:
 - Khảo nghiệm diện hẹp:
 - Khảo nghiệm diện rộng:
- Khảo nghiệm với các cây trồng:
- Khảo nghiệm trên các loại đất:
- Dự kiến thời gian khảo nghiệm: (bắt đầu..... kết thúc.....)
- Dự kiến đơn vị chủ trì khảo nghiệm:
- Các tài liệu nộp kèm theo:

* Khi cần liên hệ theo địa chỉ, điện thoại, Fax:

Ngày..... tháng..... năm 200.....
Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu PB-GPKN
Mẫu số: 02

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC NÔNG NGHIỆP
Số: /GP.....

Hà Nội, ngày tháng năm 200...

GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

CỤC TRƯỞNG CỤC NÔNG NGHIỆP

Cấp cho: (tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm)

Địa chỉ, điện thoại, Fax:

Được phép khảo nghiệm: (loại phân bón)

Đơn vị khảo nghiệm:

HÌNH THỨC KHẢO NGHIỆM

Khảo nghiệm diện hẹp:

- + Khảo nghiệm với cây trồng:
- + Số vụ khảo nghiệm:
- + Loại và vùng đất khảo nghiệm:
- + Thời gian khảo nghiệm: từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....
- + Địa điểm khảo nghiệm:

Khảo nghiệm diện rộng:

- + Khảo nghiệm với cây trồng:
- + Số vụ khảo nghiệm:
- + Loại và vùng đất khảo nghiệm:
- + Thời gian khảo nghiệm: từ tháng.... năm... đến tháng..... năm.....
- + Địa điểm khảo nghiệm:

• Công tác khảo nghiệm phải tuân thủ Quy phạm khảo nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

• Yêu cầu phân tích các chỉ tiêu sau:

CỤC TRƯỞNG CỤC NÔNG NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận: